

Bản án số: 1183/2020/DS-ST

Ngày: 21/12/2020

V/v: “*Tranh chấp thừa kế*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng  
2/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Anh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Q3 Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện VKSND Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*  
Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1571/2017/TLST-DS ngày 7/12/2017 về “tranh chấp về thừa kế”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 292/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2020/QĐST-DS ngày 19/11/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 318/2020/QĐST-DS ngày 03/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Diệu A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Nhật A1 – Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2017.

(có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn :

Ông Nguyễn Minh B1 – Đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/10/2018. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số X1 đường Y1, phường Z1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Ông Nguyễn Minh B1 – Đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/10/2018. (có mặt)

- Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D  
Địa chỉ: Số X2 đường Y2, phường Z2, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Mạnh D1 – Đại diện theo Giấy ủy quyền số 12/UQ-VTDK ngày 15/7/2020.

*(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Bảo hiểm xã hội E  
Địa chỉ: Số X3 đường Y3, phường Z3, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hồng E1 – Đại diện theo Giấy ủy quyền số 12/GUQ-BHXXH ngày 10/7/2020.

*(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị Diệu A có ông Nguyễn Nhật A1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Phạm Thị Diệu A và ông Nguyễn A2 kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyển số 01/2006 do UBND phường 9, Quận H cấp ngày 25/10/2006. Quá trình chung sống, bà và ông A2 không có con chung.

Trước khi kết hôn với bà A, ông A2 đã có một đời vợ là bà Nguyễn Thị G. Bà G chết ngày 12/11/2001. Ông A2 và bà G có hai con chung là Nguyễn Thị Lan C (sinh năm 1988) và Nguyễn Trung B (sinh năm 1992).

Ông A2 chết ngày 15/02/2017 tại nhà số X đường Y, phường Z, Quận H.

Khi còn sống, ông A2 có tài sản riêng trước hôn nhân là quyền sử dụng đất 92,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 33, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H được UBND Quận H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 993404 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0318/2006/SDĐ) ngày 03/3/2006. Trên phần đất này có căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch, sàn gỗ, mái tôn, 2 tầng với diện tích xây dựng là 61,8m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng là 75,2 m<sup>2</sup>.

Vì nhà ở cũ, không đảm bảo việc sinh hoạt, nên năm 2008 bà A và ông A2 đã cùng bỏ tiền ra để xây dựng lại hoàn toàn mới căn nhà này với kết cấu 3 tầng và mái che cầu thang, theo giấy phép xây dựng số 1200/GPXD do UBND Quận H cấp ngày 29/10/2008. Hợp đồng thi công xây dựng căn nhà do ông A2 đứng tên. Căn nhà xây xong thì bà và ông A2 dọn về sinh sống cho đến khi ông A2 chết và hiện căn nhà này chưa hoàn công.

Khi ông A2 chết, bà A là người lo chu toàn mọi việc ma chay, cúng giỗ cho chồng và vẫn ở trong căn nhà này cùng với con riêng ông A2 là ông B. Còn bà C thì trước đó đã lấy chồng nên theo về nhà chồng, nhưng vẫn thường trú và qua lại tại số X đường Y, phường Z, Quận H.

Ông A2 qua đời không để lại di chúc, cha mẹ ông A2 cũng đều đã mất trước ông A2. Do ông B luôn kiếm cớ gây sự, đối xử vô lễ nhằm mục đích muốn đẩy bà A ra khỏi căn nhà để chiếm giữ ở riêng nên bà A đã không thể ở chung nhà với con riêng của ông A2 nữa.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông B, bà C không thể tự giải quyết, dàn

xếp được nên bà A khởi kiện đề yêu cầu Tòa án nhân dân Quận H giải quyết cụ thể:

1/ Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H là tài sản riêng trước khi kết hôn của ông A2, tự định giá khoảng 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Bà A đề nghị chia đều cho các đồng thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông A2 (bao gồm bà A và ông B, bà C) mỗi người được hưởng 1/3 giá trị, tương đương 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

2/ Căn nhà xây mới chưa hoàn công tại số X đường Y, phường Z, Quận H là tài sản chung của bà A và ông A2, trị giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Bà A đề nghị được hưởng giá trị  $\frac{1}{2}$  căn nhà, là 500.000.000 đồng. Một nửa giá trị căn nhà còn lại là di sản thừa kế của ông A2 chia đều cho các đồng thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông A2 (bao gồm bà A, ông B, bà C) thì bà A được hưởng thêm 500.000.000 đồng chia 3 là 166.000.000 đồng. Tổng giá trị căn nhà bà A đề nghị được hưởng là 666.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản dự kiến ban đầu bà A yêu cầu được chia là: 1.666.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi tiến hành định giá nhà và đất theo giá trị thị trường hiện nay, bà A đồng ý đối với giá trị nhà và đất tại số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Giám định và thẩm định giá R1 là 7.851.750.000 đồng đối với quyền sử dụng đất và 845.075.000 đồng đối với tài sản gắn liền với đất.

Như vậy, về giá trị quyền sử dụng đất, nguyên đơn là bà A đề nghị chia đều cho 03 đồng thừa kế, mỗi người hưởng phần giá trị tương đương là  $7.851.750.000 \text{ đồng} / 3 = 2.617.250.000 \text{ đồng}$ .

Về giá trị tài sản gắn liền với đất, đề nghị chia 2 là của ông A2 và bà A, mỗi phần là  $845.075.000 \text{ đồng} / 2 = 422.537.000 \text{ đồng}$ , đối với phần của ông A2 sẽ chia đều cho 03 đồng thừa kế, mỗi phần là  $422.537.000 \text{ đồng} / 3 = 140.845.333 \text{ đồng}$ , do đó bà A được hưởng  $422.537.000 \text{ đồng} + 140.845.333 \text{ đồng} = 563.383.333 \text{ đồng}$ , ông B và bà C mỗi người được hưởng 140.845.833 đồng.

Căn nhà này hiện ông B đang chiếm ở nên nếu ông B muốn lấy nhà thì trả tiền phần trị giá được hưởng cho bà A. Ngược lại, nếu ông B không khả năng thanh toán thì bà A lấy nhà và trả phần trị giá được hưởng cho bà C, ông B theo quy định.

Đối với yêu cầu phân tố của bị đơn về việc chia khoản tiền tử tuất từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D và Bảo hiểm xã hội E, nguyên đơn đề nghị cộng tất cả các khoản lại, trừ đi số tiền viện phí của ông A2 mà bà A đã thanh toán là 23.281.340 đồng, sau đó chia làm 2 phần, 1 phần của ông B và bà C, phần còn lại của bà A vì bà A đã chăm sóc, nuôi dưỡng ông A2 suốt các năm trước khi ông A2 mất và hiện nay bà A đã nghỉ việc, không có thu nhập trong khi ông B và bà C có gia đình, có thu nhập ổn định.

Đối với số tiền chi phí định giá tài sản là 11.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu mỗi bên chịu 1/2 chi phí định giá.

*Tại đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là ông Nguyễn Trung B có ông Nguyễn Minh B1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bị đơn thống nhất về hàng thừa kế của ông Nguyễn A2 như nguyên đơn trình bày. Di sản thừa kế của ông Nguyễn A2 là nhà và đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông B không đồng ý cách phân chia bất động sản căn nhà số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu nguyên đơn là Bà Phạm Thị Diệu A. Lý do, hiện nay ông B không có chỗ ở, do vậy để đảm bảo cuộc sống gia đình ông B, ông B đề nghị phân chia tài sản cho các đồng thừa kế có được chỗ ở tại căn nhà số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chỗ ở riêng của Bà A: Bà A hiện đang có căn nhà tại số X4 đường Y4, xã Z4, Huyện T3, Tây Ninh, thuộc thửa đất số: 0275, tờ bản đồ số: 0023. Đây là tài sản chung của ông Nguyễn A2 và bà A.

Ông Nguyễn Trung B thống nhất với giá trị nhà và đất theo chứng thư thẩm định giá số: 34/2018/CTTDG-VNV ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1 về giá trị quyền sử dụng đất là: 7.851.750.000 đồng và giá trị tài sản gắn liền với đất là 845.075.000 đồng, tổng giá trị căn nhà là: 8.696.825.000 đồng. Đề nghị Tòa án phân chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn A2 cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Trung B yêu cầu được lấy căn nhà số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và trả lại cho bà A phần tiền tương ứng, do ông B là con trai, có trách nhiệm và nghĩa vụ thờ phụng cha. Hơn nữa ông và vợ, con chưa có chỗ ở, bà A đã có nhà ở Tây Ninh và từ năm 2018 đến nay sinh sống ở nhà riêng ở Tây Ninh.

Về yêu cầu phản tố của ông B đối với khoản tiền tử tuất: Ông Nguyễn A2 trước khi mất, đã làm việc tại Tổng công ty Cổ phần Vận tải D với thời gian công tác và tham gia BHXH từ tháng 12/1975 đến tháng 10/2015, tương đương với thời gian là 39 năm 10 tháng, số sổ BHXH của ông A2 là: xxxxxxxxxx, ông A2 sinh ngày 31/01/1958, số chứng minh nhân dân: xxxxxxxxxx, ông A2 mất vào ngày 15/02/2017, đơn vị đã công tác: Tổng công ty Cổ phần Vận tải D. Từ những thông tin của ông Nguyễn A2, ông Nguyễn Trung B đã nhiều lần liên hệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải D và BHXH E để yêu cầu các cơ quan này cung cấp đến các khoản tiền trợ cấp thôi việc, trợ cấp tuất, trợ cấp cho gia đình người lao động khi người lao động bị chết, tiền quỹ tương trợ dầu khí khi người lao động mất, tiền hưởng BHXH trả thay lương (*nghỉ ốm*), mai táng phí... Nhưng đã bị từ các cơ quan này từ chối cung cấp thông tin với lý do chưa có văn bản thỏa thuận của các đồng thừa kế. Ông B không thể thỏa thuận với bà A để liên hệ các cơ quan này lấy khoản tiền tử tuất của ông A2. Do đó kính đề nghị Quý Tòa tòa án phân chia tài sản trên theo qui định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Lan C có ông Nguyễn Minh B1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thông nhất và cùng ý kiến với ông Nguyễn Trung B. Đề nghị Tòa án nhân dân Quận H giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật và chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Nguyễn Trung B.

Đề nghị giao căn nhà số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Trung B. Ông B trả lại cho bà A và bà C phần tiền tương ứng, do ông B là con trai, có trách nhiệm và nghĩa vụ thờ phụng cha.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D có ông Nguyễn Mạnh D1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Nguyễn A2, sinh ngày 31/01/1958, mất ngày 15/02/2017, CMND số xxxxxxxxx đã công tác liên tục tại Tổng công ty CP Vận tải D từ ngày 01/4/2003 và nghỉ chữa bệnh, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 15/10/2015.

Ngày 06/03/2017, Tổng công ty D đã phê duyệt báo cáo đề xuất số 08-17/BCĐX về việc Trợ cấp cho gia đình ông Nguyễn A2, trong đó tổng số tiền gia đình ông Nguyễn A2 nhận được là: 130.250.000 đồng (một trăm ba mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Tuy nhiên, do gia đình ông Trung chưa có văn bản thống nhất về người đứng ra nhận khoản tiền trên, nên việc giao tiền sẽ được thực hiện theo văn bản của cơ quan pháp luật có thẩm quyền. Hiện nay, Tổng công ty D chưa giải quyết chế độ trợ cấp cho gia đình của ông Nguyễn A2 và đang chờ gia đình ông A2 cung cấp văn bản phán quyết của cơ quan pháp luật có thẩm quyền để giải quyết.

Ngoài ra, Tổng công ty D đang giữ sổ Bảo hiểm xã hội số xxxxxxxxx của ông Nguyễn A2 và bảo hiểm R chưa thể bồi thường số tiền bảo hiểm sinh mạng cá nhân 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn), do chưa có văn bản thống nhất người nhận của gia đình ông A2.

Tổng công ty D và Tổng công ty Bảo hiểm R sẽ bàn giao cho người được hưởng các chế độ sau khi chết của ông A2 theo văn bản phán quyết của cơ quan pháp luật có thẩm quyền .

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh có bà Nguyễn Thị Hồng E1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 14/10/2019 Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 2357/BHXXH-CD trả lời văn bản số 475/TAQ3 ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận H. Theo đó, xác nhận tổng thời gian đóng BHXH của ông A2 là 39 năm 10 tháng, đồng thời và tạm tính trợ cấp tuất một lần của ông A2 theo dữ liệu đang quản lý là 361.525.955 đồng (căn cứ thời gian đóng BHXH 39 năm 10 tháng).

Tuy nhiên sau khi rà soát lại dữ liệu đóng BHXH, ông A2 có thời gian từ tháng 12/1975 đến tháng 12/1980 không được tính là thời gian đóng BHXH. Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh đã điều chỉnh dữ liệu và chốt lại sổ BHXH

của ông A2, thời gian đóng BHXH được tính từ tháng 02/1981 đến tháng 01/2017 là 34 năm 9 tháng.

Đóng BHTN từ 01/2009 - 10/2015 là 06 năm 10 tháng.

Về việc giải quyết chế độ tuất:

Việc giải quyết chế độ tuất cho thân nhân phải căn cứ vào hồ sơ theo quy định tại tiết 1.2.4 điểm 1.2 khoản 1 Điều 6 Quyết định số 166/QĐ-BHXH, ngày 31/01/2019 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam. Căn cứ vào Tờ khai của thân nhân theo mẫu số 09-HSB để xác định giải quyết cho thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng hoặc tuất một lần.

- Trợ cấp mai táng: bằng 10 lần mức lương cơ sở tại tháng mà người lao động chết.

Ông A2 chết ngày 15/02/2017, lương cơ sở tại thời điểm này là 1.210.000 đồng. Trợ cấp mai táng = 1,210.000 đồng X 10 = 12.100.000 đồng

- Trợ cấp tuất hàng tháng: ông A2 có thời gian đóng BHXH là 39 năm 10 tháng, thân nhân được giải quyết hưởng trợ cấp tuất hàng tháng nếu đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật BHXH số 58/2014/QH. Mức trợ cấp tuất hàng tháng bằng 50% mức lương cơ sở, trường hợp thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng thì mức trợ cấp tuất hàng tháng bằng 70% mức lương cơ sở. Số thân nhân được hưởng không quá 04 người.

- Trợ cấp tuất 01 lần: trường hợp ông A2 không còn thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng theo quy định hoặc thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 67 mà có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất một lần, trừ trường hợp con dưới 06 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng mà bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên thì được giải quyết hưởng trợ cấp tuất một lần. Mức hưởng trợ cấp tuất một lần được quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật BHXH số 58/2014/QH13.

Căn cứ vào thời gian đóng BHXH của ông A2 (34 năm 9 tháng) đã được Bảo hiểm xã hội E xác nhận theo mẫu số 07/SBH. Mức trợ cấp tuất một lần được tính như sau:

- Mức tiền lương bình quân là: 5.946.844 đồng.

- Trợ cấp tuất một lần: 321.129.576 đồng

Thân nhân có thể lựa chọn hình thức nhận trợ cấp tuất một lần trực tiếp bằng tiền mặt tại bưu cục thuộc Bưu điện Thành phố hoặc thông qua tài khoản ATM do thân nhân cung cấp.

Bảo hiểm xã hội E có đơn yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp (làm việc, hòa giải, xét xử) .

Tại phiên tòa hôm nay:

\* Nguyên đơn là bà Phạm Thị Diệu A có ông Nguyễn Nhật A1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét:

Thông nhất giá trị nhà và đất tại số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo chứng thư thẩm định giá số 34/2018/CTTDG-VNV ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1.

Về giá trị quyền sử dụng đất, nguyên đơn là bà A đề nghị chia đều cho 03 đồng thừa kế, mỗi người hưởng phần giá trị tương đương là  $7.851.750.000 \text{ đồng} / 3 = 2.617.250.000 \text{ đồng}$ .

Về giá trị tài sản gắn liền với đất, đề nghị chia 2 là của ông A2 và bà A, mỗi phần là  $845.075.000 \text{ đồng} / 2 = 422.537.000 \text{ đồng}$ , đối với phần của ông A2 sẽ chia đều cho 03 đồng thừa kế, mỗi phần là  $422.537.000 \text{ đồng} / 3 = 140.845.333 \text{ đồng}$ , do đó bà A được hưởng  $422.537.000 \text{ đồng} + 140.845.333 \text{ đồng} = 563.383.333 \text{ đồng}$ , ông B và bà C mỗi người được hưởng  $140.845.333 \text{ đồng}$ .

Đối với khoản tiền chi trả viện phí cho ông A2 thì phía bà A không yêu cầu.

Bà Phạm Thị Diệu A đề nghị được lấy căn nhà số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và trả lại phần tiền tương ứng cho ông B và bà C, do bà A là vợ chính thức, đang trực tiếp thờ cúng ông A2. Trường hợp bị đơn không đồng ý cho bà A lấy nhà thì đề nghị Tòa án nhân dân Quận H phát mãi chia đều cho các đồng thừa kế.

Về chi phí định giá, nguyên đơn đề nghị chia 3 cho bà A, ông B và bà C cùng phải chịu, mỗi người chịu  $1/3$  là  $11.000.000 \text{ đồng} / 3 = 3.666.666 \text{ đồng}$ .

Đối với yêu cầu phân tố của bị đơn về khoản tiền tử tuất, tiền bảo hiểm nguyên đơn đề nghị như sau:

Bản chất số tiền mà bị đơn yêu cầu phân chia tại Tổng Công ty CP Vận Tải D và Bảo hiểm Xã hội E, không phải là di sản của ông A2 chết để lại nên không thể giải quyết chia cho ông Kiến  $1/3$  như đã yêu cầu. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia như sau:

- Về khoản tiền chế độ phụ cấp và khoản tiền bảo hiểm sau khi chết của ông A2 tại Tổng công ty Cổ phần Vận tải D, số tiền là  $230.250.000 \text{ đồng}$ , bà A yêu cầu chia làm 2 phần, cụ thể bà hưởng 1 phần, còn lại là của ông B và bà C. Do khi ông A2 bị bệnh, bà A là người có công chăm sóc và đã bỏ tiền ra để chữa trị cho ông A2

- Về khoản trợ cấp mai táng tại BHXH E, bà A yêu cầu được hưởng  $1/2$ , số tiền là  $6.050.000 \text{ đồng}$ .

- Về khoản tiền trợ cấp tuất :

Căn cứ Công văn số 272 ngày 7/11/2018 của Bảo hiểm Xã hội Thành phố thì ông B và bà C tuy là con ông A2 nhưng đều đã trên 18 tuổi, có thu nhập ổn định, cha mẹ ruột và cha mẹ vợ của ông A2 đều không còn, trong khi bà A là người đã nghỉ việc từ lúc ông A2 đau ốm, qua đời nên đề nghị giải quyết cho bà A được hưởng toàn bộ số tiền trợ cấp tuất 1 lần là  $321.129.576 \text{ đ}$ .

Đề nghị Tòa án nhân dân Quận H giao cho bà A liên hệ các cơ quan này để làm thủ tục và nhận khoản tiền giải quyết chế độ của ông A2, bà A sẽ chia lại khoản tiền tương ứng cho ông B và bà C theo phán quyết của Tòa.

\* Bị đơn là ông Nguyễn Trung B có ông Nguyễn Minh B1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thống nhất giá trị nhà và đất tại số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo chứng thư thẩm định giá số 34/2018/CTTDG-VNV ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1.

Về giá trị quyền sử dụng đất, bị đơn thống nhất với nguyên đơn, đề nghị chia đều cho 03 đồng thừa kế, mỗi người hưởng phần giá trị tương đương là  $7.851.750.000 \text{ đồng} / 3 = 2.617.250.000 \text{ đồng}$ .

Về giá trị tài sản gắn liền với đất, bị đơn thống nhất với nguyên đơn, đề nghị chia 2 là của ông A2 và bà A, mỗi phần là  $845.075.000 \text{ đồng} / 2 = 422.537.000 \text{ đồng}$ , đối với phần của ông A2 sẽ chia đều cho 03 đồng thừa kế, mỗi phần là  $422.537.000 \text{ đồng} / 3 = 140.845.333 \text{ đồng}$ , ông B và bà C mỗi người được hưởng 140.845.833 đồng.

Về chi phí thẩm định giá là 11.000.000 đồng, bị đơn thống nhất với nguyên đơn là chia 3, gồm bà A, ông B, bà C mỗi người chịu 1/3.

Ông Nguyễn Trung B yêu cầu được lấy căn nhà số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và trả lại cho bà A, bà C phần tiền tương ứng, do ông B là con trai, có trách nhiệm và nghĩa vụ thờ phụng cha. Hơn nữa ông và vợ, con chưa có chỗ ở, bà A đã có nhà ở Tây Ninh và từ năm 2018 đến nay sinh sống ở nhà riêng ở Tây Ninh.

Về khoản tiền tử tuất, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị tất cả các khoản tiền này đều chia 03 phần bằng nhau, bà A, ông B, bà C mỗi người được hưởng 1/3.

Ông B yêu cầu được đứng ra liên hệ với các cơ quan này để nhận tiền, sẽ chịu trách nhiệm trả lại phần tương ứng của bà A và bà C.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Lan C có ông Nguyễn Minh B1 đại diện trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D có ông Nguyễn Mạnh D1 là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội E có bà Nguyễn Thị Hồng E1 là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận H phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị :

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn :

Chia di sản là căn nhà số X đường Y, phường Z, Quận H theo quy định của pháp luật. Giao cho ông Nguyễn Trung B được sở hữu căn nhà số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và trả lại cho bà A, bà C phần tiền tương ứng theo kết quả định giá của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Diệu A khởi kiện tranh chấp về thừa kế, căn cứ khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Xét tại thời điểm Tòa án thụ lý, bị đơn là ông Nguyễn Trung B có địa chỉ cư trú tại số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận H có thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên.

Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D và Bảo hiểm Xã hội E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D và Bảo hiểm Xã hội E.

Về thời hiệu chia thừa kế: Ông Nguyễn A2 chết ngày 15/02/2017, là thời điểm mở thừa kế, cũng là thời điểm có hiệu lực của Bộ luật Dân sự 2015 do đó áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”*. Do đó tính đến ngày khởi kiện của nguyên đơn là 15/10/2017, là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ thừa kế và hàng thừa kế:

Căn cứ vào lời khai, xác nhận của các bên đương sự, kết quả xác minh tại địa phương, chứng cứ do các bên cung cấp, Tòa án có đủ cơ sở để xác định:

Ông Nguyễn A2 sinh năm 1958, mất năm 2017 không để lại di chúc, có di sản để lại nên phát sinh quan hệ thừa kế theo pháp luật.

Ông Nguyễn A2 có cha đẻ là ông Nguyễn Tiến A3, sinh năm 1927, mất năm 2013 và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị A4, sinh năm 1927, mất năm 2016.

Ông Nguyễn A2 trước đây có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1960, bà G mất năm 2001. Ông A2 và bà G có 02 người con chung là Nguyễn Thị Lan C (sinh năm 1988) và Nguyễn Trung B (sinh năm 1992).

Đến năm 2006, ông Nguyễn Tiến A2 đăng ký kết hôn với bà Phạm Thị Diệu A theo giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2006.

Quá trình chung sống, ông A2 và bà A không có con chung.

Do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn A2 gồm 03 người là vợ : bà Phạm Thị Diệu A và 02 con đẻ là : bà Nguyễn Thị Lan C và ông Nguyễn Trung B.

[2.2] Về di sản thừa kế:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn A2 có để lại di sản thừa kế bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

H0318/2006/SDĐ do Ủy ban nhân dân Quận H Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2006.

- Tài sản gắn liền với đất như sau:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0318/2006/SDĐ do Ủy ban nhân dân Quận H Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2006 cho ông Nguyễn A2 thể hiện ngoài 92m<sup>2</sup> đất ở đô thị thì tài sản gắn liền với đất là “*nhà tường gạch, sàn gỗ, mái tôn, 2 tầng. DTXD=61,8m<sup>2</sup> ; DTSXD=75,2m<sup>2</sup>*”. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai thống nhất của các bên đương sự thì sau khi kết hôn với bà Phạm Thị Diệu A, ông A2 và bà A đã cùng xây dựng lại mới hoàn toàn căn nhà trên nhưng chưa làm thủ tục hoàn công, thể hiện tại Giấy phép xây dựng số 1200/GPXD do UBND Quận H cấp ngày 29/10/2008, Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành xây dựng và Bản vẽ hiện trạng công trình hoàn thành cùng do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận H lập ngày 12/5/2016, Chứng thư thẩm định giá 34/2018/CTTDG-VNV ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1. Do các bên đương sự cùng thống nhất tài sản gắn liền với đất là căn nhà xây dựng mới hoàn toàn, ông A2 và bà A cùng đóng góp công sức nên căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì đây là tài sản chung vợ chồng, do ông A2 mất không để lại di chúc, ông A2 và bà A không có thỏa thuận phân chia tài sản chung nên tài sản là căn nhà trên đất sẽ chia đôi, bà A được  $\frac{1}{2}$ , phần còn lại của ông A2 là di sản thừa kế.

- Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 34/2018/CTTDG-VNV ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1 cùng sự thống nhất của các bên thì giá trị nhà và đất tại số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là 8.696.825.000 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là : 7.851.750.000 đồng và giá trị tài sản gắn liền với đất là 845.075.000 đồng.

[2.3] Về yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất cho 03 đồng thừa kế :

Như đã nhận định ở trên, quyền sử dụng đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông Nguyễn A2. Ông A2 chết không để lại di chúc, không để lại các nghĩa vụ tài sản và các chi phí liên quan đến thừa kế nên việc nguyên đơn yêu cầu chia cho 03 đồng thừa kế gồm bà Phạm Thị Diệu A, ông Nguyễn Trung B và bà Nguyễn Thị Lan C là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự thì mỗi đồng thừa kế được hưởng phần di sản bằng nhau. Căn cứ vào chứng thư thẩm định giá và sự thống nhất của các bên thì giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là 7.851.750.000 đồng do đó bà Phạm Thị Diệu A, ông Nguyễn Trung B và bà Nguyễn Thị Lan C mỗi người được hưởng  $\frac{1}{3}$  tương đương  $7.851.750.000 \text{ đồng} / 3 = 2.617.250.000 \text{ đồng}$ .

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn được hưởng  $\frac{1}{2}$  tài sản gắn liền với đất là căn nhà, phần còn lại của ông A2 chia đều cho 03 đồng thừa kế:

Như đã nhận định ở trên, căn nhà xây mới sau này là tài sản chung vợ chồng nên bà A được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà này. Căn cứ vào chứng thư thẩm

định giá và sự thống nhất của các bên, phần tài sản gắn liền với đất là căn nhà trị giá 845.075.000 đồng, do đó bà A được hưởng tương đương 845.075.000 đồng/ 2 = 422.537.500 đồng. Đối với ½ giá trị căn nhà còn lại, là di sản thừa kế của ông Nguyễn A2, căn cứ khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự thì các đồng thừa kế là bà A, ông B và bà C mỗi người hưởng phần bằng nhau là tương đương 422.537.500 đồng/ 3= 140.845.333 đồng.

Như vậy giá trị nhà và đất bà Phạm Thị Diệu A được nhận tổng cộng tương đương là 2.617.250.000 đồng + 422.537.500 đồng + 140.845.333 đồng = 3.180.632.833 đồng.

Giá trị nhà và đất bà Nguyễn Thị Lan C và ông Nguyễn Trung B mỗi người được nhận tương đương là 2.617.250.000 đồng + 140.845.333 đồng = 2.758.095.333 đồng.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc được nhận bằng hiện vật là nhà và đất, thanh toán lại phần giá trị tương ứng cho các đồng thừa kế:

Xét nguyên đơn là bà Phạm Thị Diệu A không thực tế cư trú tại số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đã có nhà ở Tây Ninh nên việc yêu cầu được nhận hiện vật là nhà và đất là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét ông Nguyễn Trung B là con trai duy nhất của ông Nguyễn A2, có trách nhiệm và nghĩa vụ thờ cúng cha. Ông B có vợ và con nhỏ, hiện nay đang phải cư trú bên gia đình vợ và không còn chỗ ở nào khác. Do đó việc ông Nguyễn Trung B có yêu cầu nhận bằng hiện vật là nhà và đất, thanh toán lại phần giá trị tương ứng cho các đồng thừa kế là có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu phân tố của bị đơn:

- Căn cứ vào văn bản trình bày của Bảo hiểm xã hội E thì ông Nguyễn A2 mất 15/02/2017, thân nhân của ông A2 được hưởng chế độ tử tuất bao gồm: trợ cấp mai táng khoản tiền 12.100.000 đồng, trợ cấp tuất 01 lần là 321.129.576 đồng, tổng cộng là 333.229.576 đồng. Hiện Bảo hiểm xã hội E chưa tiếp nhận và giải quyết hồ sơ tuất của thân nhân của ông Nguyễn A2.

- Căn cứ vào văn bản trình bày của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D thì sau khi ông Nguyễn A2 mất, gia đình ông Nguyễn A2 sẽ nhận được khoản tiền trợ cấp là 130.250.000 đồng, tiền bảo hiểm sinh mạng là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 230.250.000 đồng. Hiện Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D chưa giải quyết khoản tiền cho thân nhân của ông Nguyễn A2.

Căn cứ khoản 4 Điều 69 Luật Bảo hiểm Xã hội 2014 : ‘Trường hợp người lao động chết mà không có thân nhân quy định tại khoản 6 Điều 3 của Luật này thì trợ cấp tuất 1 lần được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế’.

Xét thấy ông Nguyễn A2 chết nhưng không có thân nhân quy định tại khoản 6 Điều 3 của Luật Bảo hiểm Xã hội, do đó phần tiền của ông A2 được xem là di sản thừa kế nên được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế. Cụ thể : Các khoản tiền tại Bảo hiểm xã hội E và Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D là 563.479.576đ được chia đều cho các đồng thừa kế là bà A, ông B và bà C mỗi người hưởng phần bằng nhau, tương đương 563.479.576 đồng/ 3= 187.826.525 đồng.

Xét hai khoản tiền tại Bảo hiểm xã hội E và Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D các bên đương sự không thống nhất được việc thỏa thuận liên hệ các cơ quan này làm thủ tục nhận chế độ, nên bị đơn có yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét được trao quyền liên hệ với hai cơ quan này để làm thủ tục nhận chế độ của ông Nguyễn A2, đồng thời sẽ chi trả lại khoản tiền tương ứng cho bà A và bà C. Như đã nhận định ở trên, yêu cầu nhận nhà và thanh toán lại khoản tiền tương ứng cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trung B là có căn cứ, nghĩ nên tiếp tục giao cho ông Nguyễn Trung B quyền liên hệ với BHXH E và Tổng Công ty CP Vận tải D làm thủ tục nhận chế độ của ông Nguyễn A2 đồng thời chi trả lại khoản tiền tương ứng cho bà A và bà C .

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Diệu A, ông Nguyễn Trung B và bà Nguyễn Thị Lan C được hưởng di sản nên phải chịu án phí theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Đối với chi phí thẩm định giá tài sản là 11.000.000 đồng, các bên đương sự tự nguyện mỗi bên chịu 1/3 tương đương 3.666.666 đồng. Bà Phạm Thị Diệu A đã tạm ứng chi phí này, ông Nguyễn Trung B và bà Nguyễn Thị Lan C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà A.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; khoản 1 Điều 623; điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651; khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 33; khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 69 Luật Bảo hiểm Xã hội 2014 ;

Áp dụng khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án ;

Áp dụng khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

### ***Xử:***

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Diệu A.

1.1. Xác định quyền sử dụng đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0318/2006/SDĐ do Ủy ban nhân dân Quận H Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2006 là di sản thừa kế do ông Nguyễn A2 chết để lại.

1.2. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0318/2006/SDĐ do Ủy ban nhân dân Quận H Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2006 có trị giá theo Chứng thư thẩm định giá 34/2018/CTTDG-VNV ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1 là 7.851.750.000 đồng cho các đồng thừa kế theo tỉ lệ như sau:

- Bà Phạm Thị Diệu A được hưởng  $1/3$  giá trị quyền sử dụng đất tương đương  $7.851.750.000 \text{ đồng} / 3 = 2.617.250.000 \text{ đồng}$ .

- Bà Nguyễn Thị Lan C được hưởng  $1/3$  giá trị quyền sử dụng đất tương đương  $7.851.750.000 \text{ đồng} / 3 = 2.617.250.000 \text{ đồng}$ .

- Ông Nguyễn Trung B được hưởng  $1/3$  giá trị quyền sử dụng đất tương đương  $7.851.750.000 \text{ đồng} / 3 = 2.617.250.000 \text{ đồng}$ .

1.3. Xác định tài sản gắn liền với đất là căn nhà trên đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z theo Giấy phép xây dựng số 1200/GPXD do UBND Quận H cấp ngày 29/10/2008, Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành xây dựng và Bản vẽ hiện trạng công trình hoàn thành cùng do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận H lập ngày 12/5/2016, Chứng thư thẩm định giá 34/2018/CTTDG-VNV ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1 là tài sản chung vợ chồng của ông Nguyễn A2 và bà Phạm Thị Diệu A.

1.4. Bà Phạm Thị Diệu A được hưởng  $1/2$  giá trị tài sản gắn liền với đất là căn nhà trên đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo chứng thư thẩm định giá 34/2018/CTTDG-VNV ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1 là  $845.075.000 \text{ đồng} / 2 = 422.537.000 \text{ đồng}$ .

1.5. Xác định  $1/2$  căn nhà trên đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế do ông Nguyễn A2 chết để lại.

1.6. Chia di sản thừa kế là  $1/2$  giá trị căn nhà trên đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh có trị giá theo Chứng thư thẩm định giá 34/2018/CTTDG-VNV ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Giám Định và Thẩm Định Giá R1 là 422.537.000 đồng cho các đồng thừa kế theo tỉ lệ như sau:

- Bà Phạm Thị Diệu A được hưởng  $1/3$  tương đương  $422.537.000 \text{ đồng} / 3 = 140.845.333 \text{ đồng}$ .

- Bà Nguyễn Thị Lan C được hưởng  $1/3$  tương đương  $422.537.000 \text{ đồng} / 3 = 140.845.333 \text{ đồng}$ .

- Ông Nguyễn Trung B được hưởng  $1/3$  tương đương  $422.537.000 \text{ đồng} / 3 = 140.845.333 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng giá trị nhà và đất mỗi đồng thừa kế được hưởng như sau :

Phạm Thị Diệu A được hưởng là  $2.617.250.000 \text{ đồng} + 422.537.500 \text{ đồng} + 140.845.333 \text{ đồng} = 3.180.632.833 \text{ đồng}$ .

Bà Nguyễn Thị Lan C được hưởng là  $2.617.250.000 \text{ đồng} + 140.845.333 \text{ đồng} = 2.758.095.333 \text{ đồng}$ .

Ông Nguyễn Trung B được hưởng là  $2.617.250.000 \text{ đồng} + 140.845.333 \text{ đồng} = 2.758.095.333 \text{ đồng}$ .

1.7. Giao cho ông Nguyễn Trung B được toàn quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà và đất tại địa chỉ số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0318/2006/SDĐ do Ủy ban nhân dân Quận H Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2006 ; Giấy phép xây dựng số 1200/GPXD do UBND Quận H cấp ngày 29/10/2008, Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành xây dựng và Bản vẽ hiện trạng công trình hoàn thành cùng do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận H lập ngày 12/5/2016.

1.8. Ông Nguyễn Trung B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Diệu A số tiền 3.180.632.833 đồng.

1.9. Ông Nguyễn Trung B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Lan C số tiền 2.758.095.333 đồng.

1.10. Ông Nguyễn Trung B có quyền liên hệ với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên sở hữu nhà đất số X đường Y, phường Z, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Trung B.

2.1. Ông Nguyễn Trung B có quyền liên hệ với BHXH E và Tổng Công ty Cổ phần Vận tải D để nhận chế độ tuất và trợ cấp và bảo hiểm của ông Nguyễn A2 số tiền là 563.479.576 đồng.

2.2. Ông Nguyễn Trung B có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Phạm Thị Diệu A và bà Nguyễn Thị Lan C khoản tiền trợ cấp nêu trên số tiền mỗi người là 187.826.525 đồng.

3. Tổng các khoản tiền ( mục 1 và 2 ), ông Nguyễn Trung B có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Phạm Thị Diệu A và bà Nguyễn Thị Lan C cụ thể là :

Bà Phạm Thị Diệu A số tiền là 3.368.459.358 đồng ( ba tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi chín ngàn, ba trăm năm mươi tám đồng).

Bà Nguyễn Thị Lan C số tiền là 2.945.921.858 đồng. Phần ông B được hưởng số tiền là 2.945.921.858 đồng ( hai tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, tám trăm năm mươi tám đồng).

4. Bà Nguyễn Thị Lan C và ông Nguyễn Trung B phải thanh toán cho bà Phạm Thị Diệu A số tiền chi phí định giá tài sản mỗi người là 3.666.666 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Diệu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 99.369.187 đồng nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp là 15.320.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019887 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H. Bà A còn phải nộp số tiền án phí là 84.049.187 đồng.

Ông Nguyễn Trung B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 90.918.437 đồng, nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014215 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H. Ông B còn phải nộp số tiền án phí là 88.418.437 đồng.

Bà Nguyễn Thị Lan C phải chịu án dân sự sơ thẩm là 90.918.437đồng  
6. Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND TP HCM
- VKSND Quận H
- Chi cục THA Dân sự Quận H
- Các đương sự
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

**Trần Thị Mỹ Ngọc**